

Bản án số: 171/2024/DS-PT

Ngày: 10 - 9 - 2024

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi và tài sản gắn liền với đất”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Ông Đặng Văn Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST, ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐPT-DS ngày 20/8/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thành S, sinh ngày 01/01/1961. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Ông Thạch S1, sinh năm 1946. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (chết)

**- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:**

1/ Bà Thạch Thị Sa N, sinh năm 1951.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Thị Sa N: ông Thạch Thành C, sinh năm 1949. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền đề ngày 06/8/2024). (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thạch Thị Sa N: Ông Phạm Minh L, Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. (Có mặt)

2/ Bà Thạch Thị H, sinh năm: 1969. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Ông Thạch H1, sinh năm: 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Bà Thạch Thị N1, sinh năm: 1984(có đơn xin xét xử vắng mặt)

5/ Thạch Thị H2, sinh năm: 1989. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

6/ Thạch H3, sinh năm: 1994. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7/ Ông Thạch N2, sinh năm: 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tuyết M: ông Nguyễn Thành S, sinh ngày 01/01/1961. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền đề ngày 05/9/2023).

2/ Bà Thạch Thị Sa N, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Chị Thạch Thị H2, sinh năm 1989;

4/ Thạch Sô P, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Thạch Thị H2 và anh Thạch Sô P ủy quyền cho bà Thạch Thị Sa N, sinh năm 1951 địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền đề ngày 30/01/2023).

5/ Thạch Q, sinh năm 1994; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6/ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn C. Địa chỉ: Đường B, khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Bích V - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 27/11/2023). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành S trình bày:*

Nguồn gốc thửa 911, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.140m<sup>2</sup> là của ông mua của bà Thạch Thị Đ. Ông đã đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất trên vào năm 2005. Quá trình sử dụng, đến khoảng năm 2017 thì phần đất giáp ranh với thửa đất 911 bị gia đình ông S1 lấn chiếm đất sử dụng và làm lối đi ra lộ. Sự việc trên đã được UBND xã L giải quyết nhưng không thành. Trước đây, ông làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án giải quyết buộc ông Thạch S1, bà Thạch Thị Sa N, Thạch Thị H2, Thạch Q và Thạch Sô P phải trả lại phần đất lấn chiếm làm lối đi đường đi 86,8m<sup>2</sup>, phía sau giáp đường đi 127,9m<sup>2</sup> (hướng đông bắc), phía sau giáp hộ ông Thạch S1 137,4m<sup>2</sup> (hướng đông nam) thuộc thửa 911, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.140m<sup>2</sup> đất tọa lạc ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh và di dời 02 trụ điện ra khỏi phần đất trên. Qua khảo sát đo đạc, ông thống nhất với kết quả khảo sát đo đạc, ông yêu cầu gia đình ông S1 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 269,8m<sup>2</sup> và diện tích 137,4 (tổng diện tích 407,2m<sup>2</sup> theo kết quả khảo sát đo đạc). Ông đồng ý mở lối đi cho gia đình ông S1 ngang là 02m, dài hết đất nhưng yêu cầu gia đình ông S1 phải trả giá trị lối đi cho ông theo kết quả định giá của Hội đồng định giá. Đồng thời ông yêu cầu gia đình ông S1 di dời 02 trụ điện ra khỏi phần đất tranh chấp. Ông đồng ý hỗ trợ chi phí di dời 02 trụ điện cho ông Thạch S1 là 1.000.000 đồng. Đối với cây cối trên phần đất tranh chấp là của chủ đất cũ trồng và bán lại cho ông. Trước đây ông sử dụng nhưng đến khi phát sinh tranh chấp thì gia đình ông S1 sử dụng. Hiện tại thửa 911, tờ bản đồ số 6, ông đang thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn C để vay số tiền 650.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thạch S1 trình bày:*

Nguồn gốc thửa 910, tờ bản đồ 6, diện tích 3.650m<sup>2</sup> là của cha mẹ và em của ông S1 (tên Thạch S2) để lại cho ông S1 nhưng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất chỉ còn 3.400m<sup>2</sup> là thiếu đất của gia đình bà. Thửa 910 của gia đình bà giáp ranh với thửa đất 911 của ông S1. Trước đây, thấy cháu Thạch Thị Y nghèo khổ nên gia đình bà cho 01 nền nhà, cất nhà tre lá trên thửa 911. Sau đó cháu Y cầm nhà và đất cho Thạch Thị Đ (bà Đ đã chết). Bà Đ làm giấy nói cháu Y bán đất cho bà Đ và bà Đ đứng tên quyền sử dụng đất thửa 911. Sau đó bà Đ chuyển nhượng thửa 911 cho ông Nguyễn Thành S như thế nào thì bà không rõ nhưng lại lấn qua phần đất của gia đình bà ngang 10m, chạy dài hết đất của bà.

Nay ông Nguyễn Thành S khởi kiện yêu cầu gia đình bà di dời 02 trụ điện, trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 269,8m<sup>2</sup> và diện tích 137,4m<sup>2</sup> (theo kết quả khảo sát đo đạc) thuộc thửa 911, tờ bản đồ 6, diện tích 1.140m<sup>2</sup> và yêu cầu gia

đình bà trả giá trị lỗi đi cho ông S theo giá định giá thì bà không đồng ý do phần đất trên là của bà. Bà yêu cầu giữ nguyên lỗi đi ngang 03m, dài 30m, vì đường đi này đã có từ lâu (03 đời) và lỗi đi là thuộc thửa đất của gia đình bà (thửa 910). Cây cối trên phần đất tranh chấp là của gia đình trồng và sử dụng từ xưa đến nay. Hiện tại gia đình bà gồm ông Thạch S1 và bà cùng các con Thạch Thị H2, Thạch Q, Thạch Sô P đang quản lý và sử dụng phần đất tranh chấp, ngoài ra không còn ai khác. Trường hợp phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 911 của ông S1 thì bà đồng ý trả lại đất lấn chiếm và đồng ý trả giá trị lỗi đi cho ông S1. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa N, đồng thời bà Sa N là người đại diện theo ủy quyền của anh Thạch Sô P và chị Thạch Thị H2 trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày trên của bà, không có ý kiến bổ sung gì.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết M, bà M ủy quyền cho ông Nguyễn Thành S trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày trên của ông, không có ý kiến bổ sung gì.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban dân cư thị trấn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2024/DS-ST, ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành S.

Buộc ông hộ ông Thạch S1 gồm ông Thạch S1, bà Thạch Thị Sa N, Thạch Thị H2, Thạch Q và Thạch Sô P di dời 02 trụ điện, trả lại phần đất lấn chiếm kí hiệu A, B, C diện tích 269,8m<sup>2</sup> và phần diện tích kí hiệu D diện tích 137,4m<sup>2</sup> (theo kết quả khảo sát đo đạc) thuộc thửa 911, tờ bản đồ 6, nằm trong tổng diện tích 1.140m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Thành S đứng tên quyền sử dụng đất cho ông S. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời 2 trụ điện của ông S cho ông Thạch S1 là 1.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện mở lối đi của ông Nguyễn Thành S phần diện tích kí hiệu A diện tích 53,8m<sup>2</sup>, B1 diện tích 10,7m<sup>2</sup> và một phần diện tích kí hiệu D diện tích (ngang 02m dài 2,7m) tổng diện tích lối đi 69,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 911, tờ bản đồ số 6, nằm trong tổng diện tích 1.140m<sup>2</sup> cho ông hộ ông Thạch S1. Hộ ông Thạch S1 được quyền sử dụng phần diện tích 69,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 911, tờ bản đồ số 6 làm lối đi.

(Phần diện tích kí hiệu A, B, B1, C, D được thể hiện theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 72/CV-CNHCN-KTĐC, ngày 18/5/2023 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C).

Buộc hộ ông Thạch S1 phải trả giá trị lỗi đi tương ứng với số tiền là 61.512.000 đồng cho ông Nguyễn Thành S.

Buộc ông Nguyễn Thành S phải trả giá trị 04 cây đuối phi 20-30 tương ứng với số tiền 525.000 đồng và 70 cây tre cao trên 05 mét tương ứng với số tiền là 2.800.000 đồng cho hộ ông Thạch S1. Ông S được quyền quản lý và sử dụng các tài sản trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật

Ngày 15/3/2024 ông Thạch S1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án số: 17/2024/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, giữ nguyên hiện trạng đất ở thửa 910, tờ bản đồ 06, diện tích 3.400m<sup>2</sup> (đất ở 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 3.300m<sup>2</sup>), tọa lạc đất ở ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thạch Thị Sa N, ông Phạm Minh L trình bày: Đối với yêu cầu kháng cáo của Thạch S1 là có cơ sở, bởi vì nguồn gốc đất tranh chấp trước đây thuộc thửa 448, và thửa 447, theo tư liệu năm 1983 thì thửa 447 do ông Thạch S2 đăng ký kê khai, thửa 448 ông Thạch S1 đăng ký kê khai, sau này khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa 911 có nguồn gốc từ thửa 447 và thửa 910 có nguồn gốc từ thửa 448. Như vậy xét về nguồn gốc đất trước đây thì là của ông Thạch S1 và ông Thạch S2 và được Tòa cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ và cũng đã được cung cấp thông tin dữ liệu đất đai. Gia đình ông S1 đã sử dụng lối đi từ lâu và trồng hoa lợi trên đất. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành S, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch S1, sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện cầu Ngang.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến và tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay. Xét thấy kháng cáo của ông Thạch S1 yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất ở thửa 910, tờ bản đồ 06, diện tích 3.400m<sup>2</sup> (đất ở 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 3.300m<sup>2</sup>), tọa lạc đất ở ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của



nguyên đơn ông Thạch S1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 17/2024/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Thạch S1 còn trong thời hạn kháng cáo nên được xem là hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Thạch S1 yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất ở thửa 910, tờ bản đồ 06, diện tích 3.400m<sup>2</sup> (đất ở 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 3.300m<sup>2</sup>), tọa lạc đất ở ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Thạch Thị Sa N là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn trình bày thửa 910, diện tích 3.650m<sup>2</sup> nhưng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích thửa 910 chỉ còn 3.400m<sup>2</sup> là thiếu đất của ông S1. Tuy nhiên, theo hồ sơ cung cấp thông tin của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C thể hiện ngày 09/01/1996, ông Thạch S1 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa 910, diện tích 3.400m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 100m<sup>2</sup> còn lại là cây lâu năm 3.300m<sup>2</sup>) sau đó ông Thạch S1 đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.400m<sup>2</sup> như đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S1, khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 ông Thạch S1 không có ý kiến hay khiếu nại về diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Điều này thể hiện ông S1 thống nhất với diện tích đất được cấp ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Tại Công văn số 217 ngày 12/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 đã chồng ghép bản đồ, đối chiếu tư liệu qua các thời kỳ đăng ký thì thửa 910 của Thạch Sông theo tư liệu 1983 Thạch Sông kê khai đăng ký thửa 448 diện tích 1.800m<sup>2</sup>; tư liệu năm 1995 diện tích 3.400m<sup>2</sup> (gồm trọn thửa 448 và một phần thửa 447 do thạch So kê khai năm 1983); còn thửa 911 của ông Nguyễn Thành S trước đây thửa đất này là của bà Thạch Thị Đ chuyển nhượng cho ông S, theo tư liệu 1983 Thạch So kê khai thuộc thửa 447 diện tích 1.850m<sup>2</sup>; tư liệu năm 1995 diện tích 1.140m<sup>2</sup> (gồm một phần thửa 447 do thạch So kê khai năm 1983). Như vậy qua các thời kỳ đăng ký kê khai cho đến khi được cấp QSD đất thì thửa 910 của ông thạch Sông tăng diện tích; còn thửa 911 của ông S giảm diện tích lý do như đã nêu trên. Theo kết quả khảo sát đo đạc, thể hiện phần diện tích đất tranh chấp kí hiệu A, B, C diện tích là 269,8m<sup>2</sup> và phần diện tích kí hiệu D diện tích 137,4m<sup>2</sup> thuộc 911, tờ bản đồ số 6 là thửa đất của ông S đứng tên quyền sử dụng đất nhưng hiện tại gia đình ông S1 gồm ông Thạch S1, bà Thạch Thị Sa N, Thạch Thị H2, Thạch Q và Thạch Sô P đang sử dụng là lấn sang phần đất của

ông Nguyễn Thành S. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành S, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông S dành lỗi đi cho hộ ông S1 là hợp tình, hợp lý theo quy định của pháp luật. Do đó việc ông T sông kháng cáo là không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu thẩm định lại của bà Thạch Thị Sa N Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xem xét việc yêu cầu thẩm định đất tranh chấp, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thẩm định 2 thửa đất 910, 911 để tìm ra diện tích đất tranh chấp nằm ở vị trí của thửa nào và Cơ quan văn phòng đất đã chồng ghép đối chiếu tư liệu qua các thời kỳ đăng ký, việc thực hiện này của cấp sơ thẩm là hoàn toàn khách quan vô tư nên việc yêu cầu thẩm định lại của bà Thạch Thị Sa N là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét thấy, Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp với tài liệu chứng cứ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

Đối với quan điểm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thạch Thị Sa N đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch S1, sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Thạch S1 nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch S1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 158, 164, 166, 175, 236, 254, 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 95, 100, 166, 170 và Điều 203 của Luật đất đai;

Căn cứ các Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Thạch S1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2024/DS-ST ngày 11/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành S.

Buộc ông hộ ông Thạch S1 (do ông S1 chết) nên hộ ông S1 còn lại gồm bà Thạch Thị Sa N, Thạch Thị H2, Thạch Q và Thạch Sô P di dời 02 trụ điện, trả lại phần đất lấn chiếm kí hiệu A, B, C diện tích 269,8m<sup>2</sup> và phần diện tích kí hiệu D diện tích 137,4m<sup>2</sup> (theo kết quả khảo sát đo đạc) thuộc thửa 911, tờ bản đồ 6, nằm trong tổng diện tích 1.140m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Thành S đứng tên quyền sử dụng đất cho ông S. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời 2 trụ điện của ông S cho ông Thạch S1 là 1.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện mở lối đi của ông Nguyễn Thành S phần diện tích kí hiệu A diện tích 53,8m<sup>2</sup>, B1 diện tích 10,7m<sup>2</sup> và một phần diện tích kí hiệu D diện tích (ngang 02m dài 2,7m) tổng diện tích lối đi 69,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 911, tờ bản đồ số 6, nằm trong tổng diện tích 1.140m<sup>2</sup> cho ông hộ ông Thạch S1 (do ông S1 chết) nên hộ ông S1 còn lại gồm bà Thạch Thị Sa N, Thạch Thị H2, Thạch Q và Thạch Sô Phi được quyền sử dụng phần diện tích 69,9m<sup>2</sup> thuộc thửa 911, tờ bản đồ số 6 làm lối đi.

(Phần diện tích kí hiệu A, B, B1, C, D được thể hiện theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 72/CV-CNHCN-KTĐC, ngày 18/5/2023 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C).

Buộc hộ ông T (do ông S1 chết) nên hộ ông S1 còn lại gồm bà Thạch Thị Sa N, Thạch Thị H2, Thạch Q và Thạch Sô P (cũng là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thạch S1) phải trả giá trị lối đi tương ứng với số tiền là 61.512.000 đồng cho ông Nguyễn Thành S.

Buộc ông Nguyễn Thành S phải trả giá trị 04 cây đuối phi 20-30 tương ứng với số tiền 525.000 đồng và 70 cây tre cao trên 05 mét tương ứng với số tiền là 2.800.000 đồng cho hộ ông Thạch S1 (do ông S1 chết) nên hộ ông S1 còn lại gồm bà Thạch Thị Sa N, Thạch Thị H2, Thạch Q và Thạch Sô P. Ông S được quyền quản lý và sử dụng các tài sản trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được thay đổi đất và các tài sản trên đất dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Thạch S1 nên Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch S1 không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.



*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS Cầu Ngang;
- Dương sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thành**